

Số: /2024/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình kiến trúc có giá trị và công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 19

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngàytháng.....năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình kiến trúc có giá trị và công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a, b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội số/BC-BKTNS ngày ... tháng.... năm 2024 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết điểm a và điểm b khoản 4 Điều 41 Luật Thủ đô về việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình kiến trúc có giá trị và công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao là tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội. Bao gồm:

a) Nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục thực hiện việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

b) Biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

2. Công trình kiến trúc có giá trị và công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (*sau đây gọi là công trình, hạng mục công trình*) được nhượng quyền khai thác, quản lý phải thuộc danh mục do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được giao quản lý, sử dụng công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý (*gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị*) gồm:

a) Cơ quan Nhà nước (*sau đây gọi là cơ quan*).

b) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội, tổ chức chính trị - xã hội (*sau đây gọi là tổ chức*).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập (*sau đây gọi là đơn vị*).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhận nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình theo quy định tại Nghị quyết này (*gọi chung là doanh nghiệp, nhà đầu tư*).

3. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

Điều 3. Giải nghĩa từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhượng quyền khai thác, quản lý* là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị (*bên nhượng quyền*) được ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý với doanh nghiệp, nhà đầu tư (*bên nhận nhượng quyền*) để doanh nghiệp, nhà đầu tư khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình trong một khoảng thời gian nhất định. Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm quản lý, khai thác công trình, hạng mục công trình đúng công năng, mục đích và thanh toán số tiền nhượng quyền theo hợp đồng cho Bên nhượng quyền. Kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm bàn giao lại công trình, hạng mục công trình cho Bên nhượng quyền theo các điều kiện của Hợp đồng, bảo đảm điều kiện kỹ thuật vận hành tài sản bình thường, phù hợp với yêu cầu của Hợp đồng ký kết.

2. *Bên nhượng quyền* là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được giao quản lý, sử dụng công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý sau khi hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý được ký kết.

3. *Bên nhận nhượng quyền* là doanh nghiệp, nhà đầu tư nhận nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình theo hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý được ký kết.

4. *Thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý* là khoảng thời gian liên tục (tính theo số ngày hoặc tháng hoặc năm) thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý, được xác định cụ thể trong từng hợp đồng, đảm bảo phù hợp với từng công trình, hạng mục công trình và được quy định tại Quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý.

5. *Cơ quan quản lý cấp trên* được hiểu là:

a) Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị trực thuộc Thành phố (*đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố*) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đồng thời là đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố, cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý cấp trên quy định tại Nghị quyết này.

b) UBND quận, huyện, thị xã đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện.

6. *Tổng dự toán chi thường xuyên tạm tính của Bên nhượng quyền* là tổng dự toán chi thường xuyên của Bên nhượng quyền ước tính cho cả thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý, được Bên nhượng quyền tự xác định bằng dự toán chi thường xuyên giao đầu năm của Bên nhượng quyền tại năm ký hợp đồng nhân (x) với thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý tính theo số năm.

Điều 4. Nguyên tắc nhượng quyền khai thác, quản lý.

Việc nhượng quyền khai thác, quản lý phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Việc nhượng quyền khai thác, quản lý chỉ được thực hiện đối với công trình, hạng mục công trình là tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được giao quản lý, sử dụng và thuộc danh mục công trình, hạng mục công trình được nhượng quyền khai thác, quản lý. Trường hợp chỉ nhượng quyền khai thác, quản lý hạng mục công trình thì phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với phần còn lại của công trình.

2. Công trình, hạng mục công trình khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý được sử dụng đúng công năng tài sản, đúng mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý theo Phương án được người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc nhượng quyền khai thác, quản lý phải được thực hiện theo cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch, phải được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Mọi hành vi vi phạm pháp luật phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

4. Việc nhượng quyền khai thác, quản lý được thực hiện liên tục trong toàn bộ thời gian thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.

5. Nhà nước không cấp kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đối với công trình, hạng mục công trình từ thời điểm ký kết hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý.

6. Bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cộng đồng,

quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Điều 5. Điều kiện nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Phải có Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình được người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết này phê duyệt.

2. Việc nhượng quyền khai thác, quản lý không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý phải đảm bảo không trong thời gian sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc khai thác theo các phương thức khác quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật liên quan.

4. Việc nhượng quyền khai thác, quản lý phải đảm bảo không vi phạm các điều cấm của luật, không làm mất quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, không làm mất quyền sở hữu về tài sản công là công trình, hạng mục công trình và tài sản khác gắn liền với công trình, hạng mục công trình mà được bàn giao cùng công trình, hạng mục công trình.

5. Việc nhượng quyền khai thác, quản lý chỉ được thực hiện sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với cơ sở nhà, đất có công trình, hạng mục công trình đề xuất thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý (*trừ trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai*).

6. Đối với công trình, hạng mục công trình là di tích thì việc quản lý, khai thác phải đáp ứng các điều kiện của pháp luật về di sản văn hoá. Đối với công trình, hạng mục công trình khác, việc nhượng quyền khai thác, quản lý phải đảm bảo không được làm thay đổi kết cấu, kiến trúc, nguyên trạng tài sản công (*trừ trường hợp cải tạo, nâng cấp, tu bổ để nâng cao, bảo vệ, giữ gìn giá trị sử dụng của công trình, hạng mục công trình; phần giá trị tài sản cải tạo, nâng cấp, tu bổ thuộc về Bên nhượng quyền sau khi hết thời hạn nhượng quyền, không yêu cầu bồi hoàn*).

7. Doanh nghiệp, nhà đầu tư nhận nhượng quyền khai thác, quản lý phải được lựa chọn thông qua đấu giá và theo các tiêu chí, điều kiện quy định tại Nghị quyết này.

Chương II

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC, QUẢN LÝ

Điều 6. Trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công, yêu cầu về nâng cao chất lượng cảnh quan đô thị, yêu cầu về quản lý, khả năng khai thác và bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình, cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ động lập hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này phê duyệt.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu thuê tư vấn lập Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý thì chi phí thuê tư vấn lập Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý được sử dụng từ nguồn kinh phí hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Việc lựa chọn thuê tư vấn lập Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

2. Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý phải được cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai lấy ý kiến tham gia của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó trước khi hoàn thiện hồ sơ, trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này phê duyệt. Thời hạn lấy ý kiến là tối thiểu 01 tháng trước thời điểm ban hành Quyết định phê duyệt Phương án.

Trường hợp trong phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý thuộc Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều này có nội dung giải thể cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, cho ý kiến về phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.

3. Hồ sơ đề nghị phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý gồm:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt Phương án: 01 bản chính.
- b) Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý: 01 bản chính.
- c) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản chính.
- d) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của cơ sở nhà, đất có công trình, hạng mục công trình đề xuất thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý đối với các trường hợp được cấp theo quy định pháp luật về đất đai: 01 bản sao.

đ) Ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố về phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý (chỉ trong trường hợp Phương án có nội dung giải thể cơ

quan, tổ chức, đơn vị): 01 bản sao.

e) Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

4. Nội dung chủ yếu của Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý:

a) Sự cần thiết thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý (cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn).

b) Thông tin công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý (tên công trình, hạng mục công trình; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của công trình, hạng mục công trình; yếu tố, giá trị quan trọng của công trình, hạng mục công trình đối với Thủ đô, ngành, lĩnh vực, địa phương trên các phương diện về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc,...). Thông tin các tài sản khác gắn liền với công trình, hạng mục công trình (nếu có) bàn giao cùng công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

c) Mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý.

d) Thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý.

đ) Phương thức lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư nhận nhượng quyền khai thác, quản lý: Đấu giá.

e) Căn cứ xác định giá khởi điểm để nhượng quyền khai thác, quản lý.

g) Điều kiện lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý.

h) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền nhượng quyền khai thác, quản lý.

i) Dự kiến doanh thu, chi phí có liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý; số tiền nộp ngân sách nhà nước (nếu có).

k) Dự kiến các biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

l) Dự kiến phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.

m) Nguyên tắc xử lý tài sản khi kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình.

Điều 7. Phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý.

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý hoặc có ý kiến không thống nhất trong trường hợp Phương án chưa phù hợp.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trao đổi, thống nhất

ý kiến (*bằng văn bản*) trong tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đó trước khi phê duyệt.

Riêng trường hợp Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý có nội dung giải thể cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt Phương án là cơ quan quản lý cấp trên (*hoặc pháp nhân do UBND Thành phố quyết định trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị là đơn vị dự toán cấp I trực thuộc Thành phố*). Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt Phương án trong trường hợp này đồng thời kế thừa trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị bị giải thể quy định tại Nghị quyết này kể từ thời điểm có Quyết định giải thể của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Nội dung chủ yếu Quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý:

a) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng công trình, hạng mục công trình.

b) Danh mục công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý (*tên công trình, hạng mục công trình; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của công trình, hạng mục công trình; yếu tố, giá trị quan trọng của công trình, hạng mục công trình đối với Thủ đô, ngành, lĩnh vực, địa phương trên các phương diện về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc,...*). Danh mục các tài sản khác gắn liền với công trình, hạng mục công trình (*nếu có*) bàn giao cùng công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

c) Mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý.

d) Thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý.

đ) Phương thức lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư nhận nhượng quyền khai thác, quản lý: Đấu giá.

e) Điều kiện lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đấu giá nhận nhượng quyền khai thác quản lý.

g) Phương thức, thời hạn thanh toán tiền nhượng quyền khai thác, quản lý.

h) Các biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

i) Phương án cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.

k) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.

l) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

m) Quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan liên quan.

n) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý (kèm theo *Phương án*) phải được công khai, niêm yết tại trụ sở làm việc, Trang thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đồng thời gửi cơ quan quản lý cấp trên để kiểm tra và đăng tải trên Trang thông tin của mình.

Trường hợp kiểm tra phát hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý được phê duyệt có nội dung không đúng chính sách, chế độ quy định, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc điều chỉnh lại Phương án được phê duyệt chậm nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm hoặc không có văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị điều chỉnh lại trong trường hợp nêu trên.

Điều 8. Thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý được xác định cụ thể trong từng hợp đồng nhưng tối đa là 25 năm, phù hợp với từng công trình, hạng mục công trình và được quy định tại Quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý. Việc chấm dứt trước hạn Hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý đồng thời chấm dứt thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý.

2. Căn cứ thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý, Bên nhượng quyền và Bên nhận nhượng quyền xác định cụ thể thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc nhượng quyền khai thác, quản lý và được quy định trong Hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý.

Điều 9. Thời hạn tổ chức thực hiện đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Quyết định phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý có hiệu lực, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện xác định, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết này.

b) Tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết này.

c) Tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết này.

d) Thông báo công khai kết quả đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý trên Trang thông tin của mình, Trang thông tin của cơ quan quản lý cấp trên, Cổng thông tin điện tử của Thành phố và theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

2. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lập lại Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết

này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết này.

Điều 10. Xác định, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý.

1. Giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý là giá ban đầu thấp nhất khi đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình. Người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Căn cứ xác định giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình gồm:

a) Giá nhượng quyền khai thác, quản lý trên thị trường của công trình, hạng mục công trình cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, công năng sử dụng tại thời điểm xác định (nếu có).

b) Doanh thu ước tính, chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời gian thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.

c) Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá. Việc sử dụng Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

3. Trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam hoặc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm nhượng quyền khai thác, quản lý. Thành phần Hội đồng xác định giá khởi điểm gồm Lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đại diện cơ quan quản lý cấp trên; đại diện các cơ quan, đơn vị khác (nếu có).

b) Trên cơ sở căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm hoặc điểm c khoản 2 Điều này trong trường hợp thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ xác định giá khởi điểm để đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại điểm a khoản này trình người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá. Hồ sơ gồm:

b1) Văn bản đề nghị phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá.

b2) Hồ sơ liên quan đến căn cứ xác định giá khởi điểm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý.

1. Nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện

tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm theo đúng tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Bảo đảm tính chính xác, độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan.

c) Doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia và phải chịu hậu quả bất lợi do kê khai không đầy đủ, không chính xác thông tin quy định tại Điều này.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thông báo công khai về việc lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý trên Trang thông tin của mình, Trang thông tin của cơ quan quản lý cấp trên, Cổng thông tin điện tử của Thành phố trong thời hạn ít nhất là 15 ngày làm việc trước ngày tiến hành việc lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý. Đồng thời, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng khác tương tự như đối với thông báo công khai việc đấu giá tài sản theo quy định về pháp luật về đấu giá tài sản. Thông báo công khai về việc lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Công trình, hạng mục công trình dự kiến nhượng quyền khai thác, quản lý.

c) Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý.

d) Giá khởi điểm đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý.

đ) Tiêu chí lựa chọn theo quy định tại khoản 4 Điều này.

e) Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký.

3. Hồ sơ tham gia đăng ký đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý gồm có:

a) Văn bản đề nghị tham gia đăng ký đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý của doanh nghiệp: 01 bản chính.

b) Phương án khai thác công trình, hạng mục công trình sau khi nhận nhượng quyền khai thác, quản lý (*trong đó, có nội dung về phương án, biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình trong thời gian thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý; phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý*): 01 bản chính.

c) Hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực liên quan phù hợp với mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ khác có liên quan: 01 bản sao.

4. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đăng ký đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý bao gồm:

a) Năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực liên quan phù hợp với mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý.

b) Hiệu quả của phương án khai thác.

c) Trang thiết bị và các tài sản khác cần thiết của doanh nghiệp, nhà đầu tư bảo đảm cho việc nhượng quyền khai thác, quản lý.

d) Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý;

đ) Các tiêu chí khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt Phương án (*phải được nêu trong nội dung Quyết định phê duyệt Phương án*), đảm bảo không trái quy định pháp luật hiện hành.

5. Trên cơ sở các hồ sơ đăng ký tham gia, cơ quan, tổ chức, đơn vị tự đánh giá hoặc thành lập tổ đánh giá để chấm điểm theo tất cả các tiêu chí quy định tại khoản 4 Điều này và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Thành phần tổ đánh giá gồm Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị là Tổ trưởng, các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan, tổ chức, đơn vị; đại diện cơ quan quản lý cấp trên; đại diện cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao hoặc về kiến trúc cùng cấp tùy tính chất, đặc điểm công trình, hạng mục công trình; đại diện các cơ quan, đơn vị khác hoặc chuyên gia (*nếu có*).

Cơ quan, tổ chức, đơn vị thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư đăng ký tham gia, đồng thời thông báo công khai danh sách các doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý trên Trang thông tin của mình, Trang thông tin của cơ quan quản lý cấp trên, Cổng thông tin điện tử của Thành phố và chịu trách nhiệm về việc đánh giá, lựa chọn của mình.

Doanh nghiệp, nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý là doanh nghiệp, nhà đầu tư có tổng số điểm đạt từ 50 điểm trở lên, đồng thời số điểm tại điểm 1 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị quyết này đạt tối thiểu 15 điểm và số điểm tại điểm 2 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị quyết này đạt tối thiểu 10 điểm.

Trong trường hợp hết thời hạn đăng ký mà không có doanh nghiệp, nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký tham gia, cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức lại việc lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại Điều này.

Trường hợp có cơ sở xác định doanh nghiệp, nhà đầu tư cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ thì cơ quan, tổ chức, đơn vị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ của doanh nghiệp, nhà đầu

tư đó.

6. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà doanh nghiệp, nhà đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định dưới đây thì thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp, nhà đầu tư bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định khi khai thác công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý khác thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, doanh nghiệp, nhà đầu tư đó bị trừ 5% tổng số điểm.

b) Doanh nghiệp, nhà đầu tư bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định khi khai thác công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý khác thì doanh nghiệp, nhà đầu tư đó bị trừ 20% tổng số điểm.

c) Doanh nghiệp, nhà đầu tư thuộc trường hợp đã bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý khác hoặc đã được lựa chọn thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý nhưng bị hủy bỏ kết quả lựa chọn do cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia thì doanh nghiệp, nhà đầu tư đó bị trừ 70% tổng số điểm.

Điều 12. Đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý.

1. Trên cơ sở kết quả lựa chọn các doanh nghiệp, nhà đầu tư đáp ứng đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết này, cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá và các quyền, nghĩa vụ khác của người có tài sản đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

2. Trường hợp đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý nhưng không thành thì sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát nguyên nhân, xem xét, quyết định tiếp tục hoặc dừng thực hiện đấu giá.

Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm nhượng quyền khai thác, quản lý cao và không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định, phê duyệt lại giá khởi điểm được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết này. Trường hợp dừng thực hiện đấu giá mà cơ quan, tổ chức, đơn vị vẫn còn nhu cầu nhượng quyền khai thác, quản lý, việc lập, phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý và tổ chức thực hiện đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Nghị quyết này.

Điều 13. Hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Căn cứ kết quả đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý, cơ quan, tổ

chức, đơn vị và doanh nghiệp, nhà đầu tư trúng đấu giá ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình và Phụ lục hợp đồng (nếu có).

2. Hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của Bên nhượng quyền.

b) Thông tin của Bên nhận nhượng quyền.

c) Danh mục công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý (*tên công trình, hạng mục công trình; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); hiện trạng sử dụng của công trình, hạng mục công trình; yếu tố, giá trị quan trọng của công trình, hạng mục công trình đối với Thủ đô, ngành, lĩnh vực, địa phương trên các phương diện về lịch sử, văn hóa, cảnh quan, kiến trúc,...*). Danh mục các tài sản khác gắn liền với công trình, hạng mục công trình (nếu có) bàn giao cùng công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý.

d) Mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý.

đ) Thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý. Thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc nhượng quyền khai thác, quản lý.

e) Giá trị hợp đồng (*theo giá trúng đấu giá*).

g) Thời hạn thanh toán tiền nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình:

Giá trị nhượng quyền khai thác, quản lý được thanh toán trong vòng 120 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

h) Tiền ký quỹ để bảo đảm thực hiện hợp đồng ký kết (*ngoài giá trị nhượng quyền theo hợp đồng*): Mức tiền ký quỹ bằng 5% tổng giá trị nhượng quyền của toàn bộ thời gian thực hiện nhượng quyền theo giá trúng đấu giá, do Bên nhận nhượng quyền gửi vào tài khoản phong tỏa tại một tổ chức tín dụng. Thời hạn gửi tiền ký quỹ vào tài khoản phong tỏa là 15 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian ký quỹ tương ứng với thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý.

Trường hợp tại thời điểm chấm dứt hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý mà Bên nhận nhượng quyền chưa hoàn thành nghĩa vụ (*thanh toán tiền nhượng quyền khai thác, quản lý, vi phạm hợp đồng liên quan đến bàn giao lại quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình cho Bên nhượng quyền*) thì số tiền ký quỹ được sử dụng để trừ vào nghĩa vụ mà Bên nhận nhượng quyền phải trả cho các nghĩa vụ chưa hoàn thành, phần còn thừa (nếu có) được xử lý theo quy định của pháp luật về dân sự.

i) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

k) Trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý; trách nhiệm, yêu cầu kỹ thuật duy tu, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình và các nội dung cần thiết khác liên quan đến công tác duy tu, bảo dưỡng.

l) Thời hạn, thời điểm Bên nhượng quyền bàn giao quyền khai thác, quản lý cho Bên nhận nhượng quyền; thời hạn, thời điểm Bên nhận nhượng quyền bàn giao lại quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình cho Bên nhượng quyền.

m) Điều chỉnh hợp đồng: Các trường hợp được phép điều chỉnh nội dung, giá trị của hợp đồng và việc xử lý vấn đề liên quan.

n) Chấm dứt hợp đồng: Ngoài chấm dứt hợp đồng theo thời hạn, quy định các trường hợp có thể dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng trước hạn (*theo thỏa thuận hoặc đơn phương chấm dứt hoặc do vi phạm, tranh chấp hợp đồng*).

o) Xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan.

p) Xử lý trường hợp bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý.

q) Xử lý trường hợp trong thời gian thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý theo hợp đồng mà phát sinh việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình, hạng mục công trình của Bên nhận nhượng quyền.

r) Điều khoản khác: Theo thỏa thuận giữa các bên.

3. Hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý đã ký kết và Phụ lục hợp đồng đã ký kết (*nếu có*) được gửi cho cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, quản lý số tiền thu được từ nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình.

Điều 14. Kết thúc, xử lý nội dung phát sinh khi nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Khi kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình theo hợp đồng, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm:

a) Bàn giao lại quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình, cho Bên nhượng quyền kể từ thời điểm kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý theo hợp đồng, kể cả trường hợp chưa hoàn thành việc thanh lý hợp đồng, chưa bàn giao lại công trình, hạng mục công trình cho Bên nhượng quyền khai thác, quản lý.

b) Phối hợp với Bên nhượng quyền thực hiện kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của công trình, hạng mục công trình; việc kiểm kê, xác định tình trạng sử dụng của công trình, hạng mục công trình được lập thành biên bản.

c) Thực hiện việc sửa chữa, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình

để khắc phục các hư hại của công trình, hạng mục công trình phát hiện khi kiểm kê *(nếu có)*.

d) Đền bù bằng hiện vật tương đương hoặc bằng tiền đối với các tài sản khác được bàn giao cùng với công trình, hạng mục công trình được phát hiện khi kiểm kê bị mất, hủy hoại trong thời gian thực hiện nhượng quyền.

đ) Phối hợp với Bên nhượng quyền thực hiện việc thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật sau khi hoàn thành khắc phục các hư hại *(nếu có)*, hoàn thành việc thanh toán tiền nhượng quyền khai thác, quản lý và Bên nhận nhượng quyền có văn bản cam kết tài sản không trong tình trạng cầm cố, thế chấp hoặc thực hiện các biện pháp đảm bảo nghĩa vụ nợ khác theo quy định của pháp luật về dân sự.

e) Thông báo cho tổ chức tín dụng nơi ký quỹ việc xử lý tiền ký quỹ theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 13 Nghị quyết này.

2. Khi kết thúc thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình theo hợp đồng, Bên nhượng quyền có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận để quản lý, sử dụng và khai thác công trình, hạng mục công trình theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành và pháp luật liên quan kể từ thời điểm Bên nhận nhượng quyền phải bàn giao lại quyền khai thác, quản lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình kể từ thời điểm Bên nhận nhượng quyền bàn giao lại quyền khai thác, quản lý theo quy định tại điểm a khoản này *(trừ khoảng thời gian Bên nhận nhượng quyền phải sửa chữa, bảo dưỡng công trình, hạng mục công trình để khắc phục các hư hại theo quy định)*.

3. Việc xử lý vi phạm hợp đồng, xử lý tranh chấp hợp đồng thực hiện theo hợp đồng, pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn do vi phạm, tranh chấp hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc Nhà nước thu hồi đất gắn với công trình, hạng mục công trình để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật đất đai mà chưa hết thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý theo hợp đồng thì các bên thực hiện chấm dứt hợp đồng trước hạn.

Căn cứ khoảng thời gian nhượng quyền khai thác, quản lý còn lại, giá trị nhượng quyền khai thác, quản lý đã nộp cho khoảng thời gian còn lại theo hợp đồng, Bên nhận nhượng quyền được hoàn trả phần giá trị tương ứng với số tiền nhượng quyền khai thác, quản lý đã nộp cho khoảng thời gian còn lại *(nếu có)* theo hợp đồng và số tiền ký quỹ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 13 Nghị quyết này. Việc xác định phần giá trị tương ứng hoàn trả cho Bên nhận nhượng quyền *(nếu có)* do Bên nhượng quyền chủ trì, phối hợp với Bên nhận nhượng quyền xác định, trình cơ quan quản lý cấp trên xem xét, quyết định hoàn trả. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Kinh phí hoàn trả được bố trí như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được lấy từ nguồn Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị để hoàn trả. Số tiền còn thiếu (*nếu có*), được bố trí từ ngân sách nhà nước để hoàn trả nhưng tối đa không vượt 50% giá trị nhượng quyền khai thác, quản lý Bên nhận nhượng quyền đã nộp cho khoảng thời gian còn lại theo hợp đồng. Trình tự, thủ tục bố trí dự toán và hoàn trả từ ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với cơ quan, tổ chức được bố trí từ ngân sách nhà nước để hoàn trả. Trình tự, thủ tục bố trí dự toán và hoàn trả thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn theo thỏa thuận hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp đã quy định tại hợp đồng thì các nội dung xử lý khi chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương III

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH KHI NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC, QUẢN LÝ

Điều 15. Cơ chế tài chính khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình.

1. Bên nhận nhượng quyền khai thác, quản lý được quyết định mức thu bảo đảm bù đắp đủ chi phí và có tích lũy hợp lý (*đối với các dịch vụ không thuộc trường hợp giá sử dụng dịch vụ đó do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá*) hoặc thu tiền dịch vụ theo mức giá quy định của Nhà nước (*đối với các dịch vụ thuộc trường hợp giá sử dụng dịch vụ đó do Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giá*). Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước (*nếu có*) theo quy định của pháp luật.

2. Cơ chế tài chính khi thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình của Bên nhượng quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17 và 18 Nghị quyết này.

Điều 16. Doanh thu từ việc nhượng quyền khai thác, quản lý

Số tiền nhượng quyền khai thác, quản lý theo giá trị Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (*nếu có*) đã ký kết được xác định là doanh thu từ việc nhượng quyền khai thác, quản lý của Bên nhượng quyền.

Điều 17. Chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý của Bên nhượng quyền bao gồm:

a) Chi phí phục vụ việc lập, trình, phê duyệt Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình.

b) Chi phí kiểm kê, xác định giá khởi điểm, tổ chức đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý.

c) Chi phí bảo quản, bảo vệ công trình, hạng mục công trình trong thời gian tổ chức lựa chọn Bên nhận nhượng quyền.

d) Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước liên quan đến công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý gồm nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước (*nếu có*) theo quy định của pháp luật.

đ) Các chi phí khác có liên quan.

2. Dự toán chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý do bộ phận chuyên môn thuộc Bên nhượng quyền lập, trình Thủ trưởng Bên nhượng quyền phê duyệt.

3. Căn cứ lập dự toán chi phí:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan được thực hiện theo hợp đồng ký giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị và tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Thủ trưởng Bên nhượng quyền quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 18. Xử lý số tiền thu được từ tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý

Doanh thu từ việc nhượng quyền khai thác, quản lý được xử lý (*theo thứ tự ưu tiên*) như sau:

1. Nộp 50% vào ngân sách nhà nước tại năm ký kết Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng (*nếu có*). Số tiền còn lại được xử lý theo cơ chế tài chính quy định cho Bên nhượng quyền quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp Bên nhượng quyền là cơ quan, tổ chức, số tiền còn lại quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý quy định tại Điều 17 Nghị quyết này, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp Bên nhượng quyền là đơn vị sự nghiệp công lập, Bên nhượng quyền có trách nhiệm nộp số tiền tương ứng phần chênh lệch (*nếu có*) giữa số tiền còn lại quy định tại khoản 1 Điều này lớn hơn tổng dự toán chi thường xuyên tạm tính của Bên nhượng quyền vào ngân sách nhà nước. Phần

còn lại, sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý quy định tại Điều 17 Nghị quyết này, được xác định là khoản thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập và được quản lý, sử dụng theo quy định của Nhà nước về cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thủ trưởng Bên nhượng quyền chịu trách nhiệm trong việc xác định số tiền nộp ngân sách nhà nước quy định tại Điều này.

5. Trường hợp số tiền thu được từ tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý nhỏ hơn chi phí, Bên nhượng quyền phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù.

Chương IV

BIỆN PHÁP BẢO VỆ, GIỮ GÌN, TU BỒ VÀ TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN THỰC HIỆN BẢO VỆ, GIỮ GÌN VÀ TU BỒ CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRONG QUÁ TRÌNH NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC, QUẢN LÝ

Điều 19. Biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý

Công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý phải được:

1. Quản lý, giám sát việc khai thác, sử dụng, bảo vệ, giữ gìn và tu bổ.
2. Phân định rõ trách nhiệm bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, giữ gìn, tu bổ.
3. Tại thời điểm trước, trong và sau nhượng quyền khai thác, quản lý phải được thực hiện thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, được thực hiện chế độ tính hao mòn tài sản (nếu có) và bảo trì, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật.
4. Định kỳ theo dõi, đánh giá về tình trạng để sớm phát hiện hư hỏng, sự cố và kịp thời có biện pháp sửa chữa, xử lý.
5. Đảm bảo sử dụng đúng mục đích, công năng, duy trì tình trạng tốt nhất của tài sản. Không để bị lấn chiếm, sử dụng trái phép, làm hư hại công trình, hạng mục công trình. Không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, cầm cố, thế chấp nghĩa vụ và các hành vi vi phạm khác theo quy định.
6. Phòng ngừa, hạn chế rủi ro trong trường hợp cần thiết thông qua bảo hiểm hoặc các công cụ khác theo quy định pháp luật.
7. Công khai, minh bạch tình hình thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý.
8. Thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về kiến trúc và pháp luật liên quan.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của Bên nhận nhượng quyền

1. Quyền của Bên nhận nhượng quyền:

a) Tổ chức thực hiện khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

b) Quyết định phương thức, biện pháp khai thác, quản lý và bảo vệ, giữ gìn công trình, hạng mục công trình bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết.

c) Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, được khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật nếu quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

d) Các quyền khác của Bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bên nhận nhượng quyền:

a) Bảo vệ, giữ gìn công trình, hạng mục công trình nhận nhượng quyền khai thác, quản lý (*bao gồm cả đất gắn công trình, hạng mục công trình, tài sản khác được bàn giao cùng công trình, hạng mục công trình*); không để bị lấn chiếm hoặc sử dụng trái phép công trình và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xảy ra sự cố công trình, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên nhượng quyền để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình đúng mục đích, công năng của tài sản; không được chuyển đổi công năng sử dụng, chuyển nhượng, bán, tặng cho, góp vốn, cầm cố, thế chấp nghĩa vụ bằng công trình, hạng mục công trình nhận nhượng quyền khai thác, quản lý. Khi Bên nhượng quyền cần sử dụng công trình, hạng mục công trình để thực hiện nhiệm vụ chính trị, chức năng, nhiệm vụ được giao thì phải được Bên nhận nhượng quyền ưu tiên bố trí sử dụng nhưng vẫn đảm bảo hài hòa lợi ích theo thỏa thuận giữa các bên.

c) Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, hạng mục công trình theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật bằng nguồn kinh phí của mình. Vật liệu, vật tư thu hồi (*nếu có*) từ công trình, hạng mục công trình do Bên nhận nhượng quyền tự xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan sau khi có văn bản chấp thuận của Bên nhượng quyền. Trường hợp Bên nhượng quyền không chấp thuận, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm bàn giao vật liệu, vật tư thu hồi cho Bên nhượng quyền để xử lý theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Trường hợp thực hiện nâng cấp, cải tạo, tu bổ để nâng cao, giữ gìn giá

trị sử dụng của công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý thì phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 22 Nghị quyết này.

d) Thanh toán tiền nhượng quyền khai thác, quản lý đầy đủ, đúng hạn theo quy định; trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định mà Bên nhận nhượng quyền chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ thì phải nộp phạt hợp đồng; mức phạt tương đương với mức tiền chậm nộp xác định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

e) Hàng năm theo thời hạn yêu cầu của Bên nhượng quyền, có báo cáo tình hình thực hiện việc khai thác công trình, hạng mục công trình nhận nhượng quyền khai thác, quản lý gửi Bên nhượng quyền.

g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên nhượng quyền; cùng Bên nhượng quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh.

h) Bàn giao lại công trình, hạng mục công trình theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị quyết này, bảo đảm điều kiện kỹ thuật vận hành tài sản bình thường phù hợp với yêu cầu của hợp đồng ký kết.

i) Định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của hợp đồng ký kết phải thông báo cho Bên nhượng quyền về tình trạng của công trình, hạng mục công trình.

k) Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết, quy định tại Nghị quyết này và pháp luật liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm của Bên nhượng quyền

1. Chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với việc đưa công trình, hạng mục công trình vào nhượng quyền khai thác, quản lý; hiệu quả của hoạt động nhượng quyền khai thác, quản lý; trách nhiệm giải trình đối với việc nhượng quyền khai thác, quản lý.

2. Kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý được phê duyệt của Bên nhận nhượng quyền và chịu sự thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát của cơ quan, người có thẩm quyền, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết và quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận lại công trình, hạng mục công trình theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị quyết này, bảo đảm điều kiện kỹ thuật vận hành tài sản bình thường phù hợp với yêu cầu của hợp đồng ký kết.

4. Giám sát chặt chẽ việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình, hạng mục công trình (nếu có) do Bên nhận nhượng quyền thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị quyết này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Thành phố, cơ quan quản lý cấp trên nếu để xảy ra vi phạm gây hủy hoại, hư hỏng, mất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu của Nhà nước đối với công trình, hạng mục công trình nhượng quyền.

5. Định kỳ trước ngày 30 tháng 05 và trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo kết quả thực

hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý cho cơ quan quản lý cấp trên. Nội dung chủ yếu của kết quả thực hiện gồm: Thực trạng công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý; Việc thực hiện trách nhiệm của Bên nhượng quyền và Bên nhận nhượng quyền để bảo vệ, giữ gìn và tu bổ công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý; Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc nhượng quyền khai thác, quản lý; Đánh giá những mặt tích cực, hiệu quả, những tồn tại, sai phạm trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

6. Định kỳ trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, Bên nhượng quyền có trách nhiệm công khai tình hình thực hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý (gồm các chỉ tiêu: danh mục công trình, hạng mục công trình; Bên nhận nhượng quyền; thời hạn, thời điểm nhượng quyền khai thác, quản lý; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ tổ chức thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý...) theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc hoặc Trang thông tin điện tử hoặc công bố tại cuộc họp của Bên nhượng quyền. Thời hạn công khai là 30 ngày.

7. Khi thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Bên nhượng quyền có trách nhiệm bổ sung nội dung kết quả thực hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý vào nội dung báo cáo. Nội dung chủ yếu của kết quả thực hiện như quy định tại khoản 4 Điều này.

8. Thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo hợp đồng ký kết và quy định tại Nghị quyết này và pháp luật liên quan.

Điều 22. Nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý

1. Trường hợp Bên nhận nhượng quyền có nhu cầu nâng cấp, cải tạo, tu bổ để nâng cao, bảo vệ, giữ gìn giá trị sử dụng của công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhận nhượng quyền khai thác, quản lý thì phải được sự chấp thuận của Bên nhượng quyền (sau khi xin ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên) và đảm bảo quy định về việc giữ gìn các yếu tố gốc cấu thành công trình, hạng mục công trình.

2. Việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ phải tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, pháp luật về kiến trúc, pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan. Vật liệu, vật tư thu hồi (nếu có) từ công trình, hạng mục công trình do Bên nhận nhượng quyền tự xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan sau khi có văn bản chấp thuận của Bên nhượng quyền. Trường hợp Bên nhượng quyền không chấp thuận, Bên nhận nhượng quyền có trách nhiệm bàn giao vật liệu, vật tư thu hồi cho Bên nhượng quyền để xử lý theo quy định về xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Sau khi kết thúc hợp đồng (kể cả trường hợp Hợp đồng chấm dứt trước hạn), Bên nhận nhượng quyền phải chuyển giao nguyên trạng công trình, hạng mục công trình bao gồm cả phần công trình, hạng mục công trình đã nâng cấp,

cải tạo, tu bổ (nếu có) lại cho Bên nhượng quyền và không được bồi hoàn.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị khác có liên quan

1. Cơ quan quản lý cấp trên của Bên nhượng quyền có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý của Bên nhượng quyền, việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình, hạng mục công trình (nếu có) do Bên nhận nhượng quyền thực hiện để kịp thời chỉ đạo, xử lý theo quy định.

b) Khi thực hiện tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cơ quan quản lý cấp trên của Bên nhượng quyền có trách nhiệm tổng hợp bổ sung kết quả thực hiện Phương án nhượng quyền khai thác, quản lý vào nội dung báo cáo gửi Sở Tài chính.

c) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Nghị quyết này.

2. Sở Tài chính kiểm tra tình hình thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thông qua báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan quản lý cấp trên của Bên nhượng quyền. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện kiểm tra tình hình thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý thuộc phạm vi quản lý của huyện thông qua báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của Bên nhượng quyền.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã nơi có công trình, hạng mục công trình kiểm tra việc thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị, không bao gồm công trình kiến trúc có giá trị là di tích lịch sử - văn hóa, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, đặc biệt là việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý (nếu có).

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã nơi có công trình, hạng mục công trình kiểm tra việc thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị là di tích lịch sử - văn hóa, công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, đặc biệt là việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình, hạng mục công trình kiểm tra việc thực hiện nhượng quyền khai thác, quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, đặc biệt là việc nâng cấp, cải tạo, tu bổ công trình (nếu có).

5. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thanh tra Thành phố thực hiện thanh tra việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; báo cáo UBND Thành phố kết quả thanh tra theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết và tập trung chỉ đạo thực hiện thống nhất trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo đúng các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp thành phố Hà Nội chủ động phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB thuộc UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Văn phòng UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử TP;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày xxx tháng xxxx năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẦU GIÁ NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC, QUẢN LÝ

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
Tổng số điểm		100
I	Trang thiết bị và tài sản khác cần thiết bảo đảm cho việc nhượng quyền khai thác, quản lý	10,0
1	Có trang thiết bị và tài sản khác cần thiết bảo đảm cho việc nhượng quyền khai thác, quản lý	5,0
2	Mức độ hiện đại của trang thiết bị và tài sản khác cần thiết bảo đảm cho việc nhượng quyền khai thác, quản lý	5,0
II	Năng lực, kinh nghiệm của đối tác đăng ký tham gia liên doanh, liên kết	20,0
1	<i>Có Quyết định thành lập/Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật</i>	1,0
2	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực liên quan phù hợp với mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)</i>	5,0
2.1	Dưới 02 năm	1,0
2.2	Từ 02 năm đến dưới 05 năm	3,0
2.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
3	<i>Số lượng nhân viên và lao động theo hợp đồng trực tiếp với doanh nghiệp, nhà đầu tư trong lĩnh vực liên quan phù hợp với mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý (bình quân 03 năm gần nhất) (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)</i>	5,0
3.1	Dưới 50 người	1,0
3.2	Từ 50 đến dưới 100 người	3,0
3.3	Từ 100 người trở lên	5,0
4	<i>Kết quả kinh doanh trong lĩnh vực liên quan phù hợp với mục đích sử dụng, khai thác công trình, hạng mục công trình khi nhượng quyền khai thác, quản lý, tính cho 5 năm gần nhất (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)</i>	5,0
4.1	Dưới 20% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	1,0

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
4.2	Từ 20% đến dưới 40% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	2,0
4.3	Từ 40% đến dưới 60% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	3,0
4.4	Từ 60% đến dưới 80% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	4,0
4.5	Từ 80% đến 100% thời gian đã hoạt động là kinh doanh có lãi	5,0
5	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (không bao gồm nộp tiền chậm nộp thuế và các khoản phạt khác)</i> <i>(Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)</i>	4,0
5.1	Dưới 100 triệu đồng	1,0
5.2	Từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng	2,0
5.3	Từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng	3,0
5.4	Từ 500 triệu đồng trở lên	4,0
III	Hiệu quả của phương án khai thác (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	65,0
1	<i>Đề xuất rõ ràng các nội dung của kế hoạch khai thác công trình, hạng mục công trình trong giai đoạn nhượng quyền; tổ chức bố trí nhân sự phục vụ việc khai thác</i>	25,0
2	<i>Đề xuất rõ ràng các nội dung của phương án, biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý</i>	20,0
3	<i>Đề xuất rõ ràng các nội dung của phương án tài chính (các khoản doanh thu, các khoản chi phí, chênh lệch thu chi)</i>	10,0
4	<i>Dự kiến số tiền nhượng quyền khai thác, quản lý nộp cho cơ quan, tổ chức, đơn vị</i> (Điểm số tối đa được chấm cho doanh nghiệp, nhà đầu tư dự kiến nộp số tiền cao nhất; cứ mỗi khoảng giá trị bằng 5% số tiền cao nhất giảm đi so với số tiền cao nhất thì trừ đi 1 điểm. Điểm số tối thiểu là 1 điểm trừ trường hợp không có thông tin hoặc số tiền nhượng quyền thấp hơn giá khởi điểm đấu giá nhượng quyền thì số điểm là 0). Giá trị số tiền này chỉ được sử dụng để đánh giá, chấm điểm lựa chọn doanh nghiệp, nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá nhượng quyền khai thác, quản lý, không phải giá trả khi tham gia đấu giá của doanh nghiệp, nhà đầu tư.	5,0
5	<i>Cam kết mua bảo hiểm công trình, hạng mục công trình trong thời gian nhận nhượng quyền khai thác, quản lý</i>	5,0
IV	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời hạn nhượng quyền khai thác, quản lý	10,0
	<i>Cam kết chuyển giao không bồi hoàn công trình, hạng mục công trình (bao gồm cả phần công trình, hạng mục công trình đã nâng cấp, cải tạo, tu bổ (nếu có))sau khi hết thời hạn nhượng quyền khai</i>	10,0

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA
	<i>thác, quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>	
V	Các tiêu chí khác (Theo yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt Phương án (phải được nêu trong nội dung Quyết định phê duyệt Phương án) đảm bảo không trái quy định pháp luật hiện hành).	5,0

Ghi chú:

1. Hồ sơ đăng ký tham gia do doanh nghiệp, nhà đầu tư xây dựng, có dấu xác nhận của doanh nghiệp, nhà đầu tư bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp doanh nghiệp, nhà đầu tư bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định khi khai thác công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý khác, bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định khi khai thác công trình, hạng mục công trình nhượng quyền khai thác, quản lý khác thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

2. Đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần không có thông tin trong Hồ sơ đăng ký tham gia của doanh nghiệp, nhà đầu tư thì chấm 0 điểm đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần đó.

3. Doanh nghiệp, nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm pháp lý đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình và phải chịu toàn bộ thiệt hại phát sinh do kê khai không đầy đủ, không chính xác thông tin quy định tại Nghị quyết này. Doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh (có dấu treo hoặc xác nhận của doanh nghiệp, nhà đầu tư) trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Cơ quan, tổ chức, đơn vị không được yêu cầu doanh nghiệp, nhà đầu tư nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn./.